# BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

| BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 02/2010/TT-BKH | Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2010 |

## THÔNG TƯ
## quy định chi tiết lập Hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp quy mô nhỏ

*Căn cứ Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập Hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp quy mô nhỏ như sau:*

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng là tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập hồ sơ mời thầu đối với gói thầu xây lắp quy mô nhỏ có giá gói thầu không quá 8 tỷ đồng của các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật đấu thầu khi thực hiện hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế trong nước. Trường hợp đấu thầu quốc tế đối với gói thầu xây lắp quy mô nhỏ thì có thể sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp trên cơ sở tham khảo các nội dung quy định trong Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp ban hành kèm Thông tư số 01/2010/TT-BKH ngày 06/01/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối với các gói thầu xây lắp quy mô nhỏ thuộc các dự án sử dụng vốn ODA, nếu được nhà tài trợ chấp thuận thì áp dụng theo Mẫu Hồ sơ mời thầu ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có thể sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo quy định về đấu thầu trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết.

**Điều 2.** Mẫu Hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp quy mô nhỏ

Mẫu Hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp quy mô nhỏ ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm những nội dung cơ bản sau:

Phần thứ nhất. Chỉ dẫn đối với nhà thầu

Chương I. Yêu cầu về thủ tục đấu thầu

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương III. Biểu mẫu dự thầu

Phần thứ hai. Yêu cầu về xây lắp

Chương IV. Giới thiệu dự án và gói thầu

Chương V. Bảng tiên lượng

Chương VI. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Chương VII. Yêu cầu về mặt kỹ thuật

Chương VIII. Các bản vẽ

Phần thứ ba. Yêu cầu về hợp đồng

Chương IX. Điều kiện của hợp đồng

Chương X. Mẫu hợp đồng

Khi áp dụng Mẫu này, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ mời thầu căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu mà đưa ra các yêu cầu trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế; không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

Trong Mẫu này, những chữ in nghiêng là nội dung mang tính hướng dẫn, minh họa và sẽ được người sử dụng cụ thể hóa căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trường hợp sửa đổi, bổ sung vào phần in đứng của Mẫu này thì tổ chức, cá nhân lập hồ sơ mời thầu phải giải trình bằng văn bản và đảm bảo không trái với các quy định của pháp luật về đấu thầu; chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung sửa đổi, bổ sung.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2010. Quyết định số 1744/2008/QĐ-BKH ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Mẫu hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp quy mô nhỏ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi quản lý của mình hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Thông tư này (nếu cần thiết) nhưng đảm bảo không trái với các quy định của Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, chỉnh lý./.

BỘ TRƯỞNG

Võ Hồng Phúc

# MẪU HỒ SƠ MỜI THẦU
## gói thầu xây lắp quy mô nhỏ

*(ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BKH ngày 19 tháng 01 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

## HỒ SƠ MỜI THẦU

(tên gói thầu)
(tên dự án)
(tên chủ đầu tư)

| | |
|---|---|
| | ....., ngày..... tháng..... năm..... |
| ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP<br>CỦA TƯ VẤN LẬP HSMT (nếu có)<br>*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* | ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP<br>CỦA BÊN MỜI THẦU<br>*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

MỤC LỤC

Từ ngữ viết tắt
Phần thứ nhất. Chỉ dẫn đối với nhà thầu
Chương I. Yêu cầu về thủ tục đấu thầu
A. Tổng quát
B. Chuẩn bị hồ sơ dự thầu
C. Nộp hồ sơ dự thầu
D. Mở thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu
E. Trúng thầu
Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu
Chương III. Biểu mẫu dự thầu
Mẫu số 1. Đơn dự thầu
Mẫu số 2. Giấy ủy quyền
Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh
Mẫu số 4. Bảng kê máy móc thiết bị thi công chủ yếu
Mẫu số 5. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ
Mẫu số 6A. Danh sách cán bộ chủ chốt
Mẫu số 6B. Bảng kê khai năng lực, kinh nghiệm của cán bộ chủ chốt
Mẫu số 7. Bảng kê khai sử dụng chuyên gia, cán bộ kỹ thuật nước ngoài
Mẫu số 8A. Biểu tổng hợp giá dự thầu
Mẫu số 8B. Biểu chi tiết giá dự thầu
Mẫu số 9A. Bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết
Mẫu số 9B. Bảng phân tích đơn giá dự thầu tổng hợp
Mẫu số 10. Bảng tính giá vật liệu trong đơn giá dự thầu
Mẫu số 11. Hợp đồng đang thực hiện của nhà thầu
Mẫu số 12. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện
Mẫu số 13. Kê khai năng lực tài chính của nhà thầu
Mẫu số 14. Bảo lãnh dự thầu

Phần thứ hai. Yêu cầu về xây lắp

Chương IV. Giới thiệu dự án và gói thầu

Chương V. Bảng tiên lượng

Chương VI. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Chương VII. Yêu cầu về mặt kỹ thuật

Chương VIII. Các bản vẽ

Phần thứ ba. Yêu cầu về hợp đồng

Chương IX. Điều kiện của hợp đồng

Chương X. Mẫu về hợp đồng

Mẫu số 15. Hợp đồng

Mẫu số 16. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 17. Bảo lãnh tiền tạm ứng

Phụ lục. Các ví dụ

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

| | |
|---|---|
| HSMT | Hồ sơ mời thầu |
| HSDT | Hồ sơ dự thầu |
| ĐKHĐ | Điều kiện của hợp đồng |
| TCĐG | Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu |
| Gói thầu ODA | Là gói thầu sử dụng vốn vay ODA từ các nhà tài trợ (Ngân hàng Thế giới - WB, Ngân hàng Phát triển châu Á - ADB, Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản - JICA, Ngân hàng Tái thiết Đức - KfW, Cơ quan Phát triển Pháp - AFD...) |
| Luật sửa đổi | Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 |
| Nghị định số 85/CP | Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng |
| VND | Đồng Việt Nam |
| HĐTV | Hội đồng tư vấn |

Phần thứ nhất

CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

Chương I

YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC ĐẤU THẦU

A. TỔNG QUÁT

**Mục 1. Nội dung đấu thầu**

1. Bên mời thầu:..... *[Ghi tên và địa chỉ liên lạc của bên mời thầu]*

2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia đấu thầu gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu theo kế hoạch đấu thầu được duyệt]* thuộc dự án..... *[Ghi tên dự án được duyệt]*.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng:..... *[Ghi thời gian cụ thể theo kế hoạch đấu thầu được duyệt]*.

4. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu:..... *[Ghi rõ nguồn vốn hoặc phương thức thu xếp vốn để thanh toán cho nhà thầu]*.

**Mục 2. Điều kiện tham gia đấu thầu của nhà thầu**

1. Có tư cách hợp lệ theo yêu cầu sau:..... *[Ghi yêu cầu về tư cách hợp lệ của nhà thầu trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 7 của Luật đấu thầu, chẳng hạn nhà thầu phải có một trong các loại văn bản pháp lý sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp....]*;

2. Chỉ được tham gia trong một HSDT với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc là nhà thầu liên danh. Trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Chương III, trong đó quy định rõ thành viên đứng đầu liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên đối với công việc thuộc gói thầu;

3. Đáp ứng yêu cầu của bên mời thầu nêu trong thông báo mời thầu *(trường hợp đấu thầu rộng rãi)* hoặc thư mời thầu *(trường hợp đấu thầu hạn chế)*;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu:..... *[Căn cứ tính chất của gói thầu mà nêu yêu cầu trên cơ sở tuân thủ nội dung về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Luật sửa đổi và Điều 3 Nghị định số 85/CP]*;

5. Không bị cấm tham gia đấu thầu theo Điều 12 của Luật đấu thầu và khoản 3, khoản 21 Điều 2 của Luật sửa đổi.

**Mục 3. Chi phí dự thầu**

Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia đấu thầu, kể từ khi mua HSMT cho đến khi thông báo kết quả đấu thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi ký hợp đồng.

**Mục 4. HSMT, giải thích làm rõ HSMT và sửa đổi HSMT**

1. HSMT bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSMT này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSMT để chuẩn bị HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Trường hợp nhà thầu muốn được giải thích làm rõ HSMT thì phải gửi văn bản đề nghị đến bên mời thầu theo địa chỉ.....*[Ghi địa chỉ của bên mời thầu]* (nhà thầu có thể thông báo trước cho bên mời thầu qua fax, e-mail..) đảm bảo bên mời thầu nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSMT không muộn hơn..... ngày *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà ghi số ngày cụ thể cho phù hợp]* trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời và gửi cho tất cả nhà thầu mua HSMT.

3. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh phạm vi xây lắp hoặc các nội dung yêu cầu khác, bên mời thầu sẽ tiến hành sửa đổi HSMT (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn nộp HSDT nếu cần thiết) bằng cách gửi văn bản sửa đổi HSMT đến tất cả các nhà thầu mua HSMT trước thời điểm đóng thầu tối thiểu..... ngày *[Ghi số ngày cụ thể nhưng đảm bảo đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT và không được quy định ít hơn 3 ngày]*. Tài liệu này là một phần của HSMT. Nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu khi nhận được các tài liệu sửa đổi này bằng một trong những cách sau: văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

**Mục 5. Khảo sát hiện trường**

1. Nhà thầu chịu trách nhiệm khảo sát hiện trường phục vụ cho việc lập HSDT. Bên mời thầu sẽ tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường. Chi phí khảo sát hiện trường để phục vụ cho việc lập HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác.

## B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ THẦU

### Mục 6. Ngôn ngữ sử dụng

HSDT cũng như tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc đấu thầu phải được viết bằng tiếng Việt.

### Mục 7. Nội dung HSDT

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 9 Chương này;

2. Giá dự thầu và biểu giá theo quy định tại Mục 11 Chương này;

3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 12 Chương này;

4. Đề xuất về mặt kỹ thuật theo quy định tại Phần thứ hai của HSMT này;

5. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 13 Chương này.

6. Các nội dung khác..... *[Ghi các nội dung khác, nếu có]*

### Mục 8. Thay đổi tư cách tham gia đấu thầu

Trường hợp nhà thầu cần thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với khi mua HSMT thì phải gửi văn bản thông báo về việc thay đổi tư cách tham gia đấu thầu tới bên mời thầu. Bên mời thầu chấp nhận sự thay đổi tư cách khi nhận được văn bản thông báo của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu[1].

---

[1] Đối với đấu thầu hạn chế thì thay bằng "Bên mời thầu chỉ xem xét khi nhận được văn bản thông báo của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu tối thiểu..... *[Ghi số ngày, thông thường tối thiểu là 1 ngày trước ngày đóng thầu]*. Việc thay đổi tư cách tham gia đấu thầu là hợp lệ khi có chấp thuận của chủ đầu tư trước thời điểm đóng thầu bằng văn bản. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu gửi văn bản chấp thuận bằng fax, e-mail trước, bản gốc được gửi theo đường bưu điện. Trường hợp không chấp thuận việc thay đổi tư cách tham gia đấu thầu của nhà thầu thì bên mời thầu cần nêu rõ lý do phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu".

**Mục 9. Đơn dự thầu**

Đơn dự thầu do nhà thầu chuẩn bị và được điền đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương III, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương III).

Trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, nhà thầu cần gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, cụ thể như sau:..... *[Ghi cụ thể văn bản pháp lý mà nhà thầu phải gửi để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền như bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh... đã được chứng thực]*

Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập.

**Mục 10. Đề xuất biện pháp thi công trong HSDT**

Trừ các biện pháp thi công yêu cầu bắt buộc phải tuân thủ nêu trong HSMT, nhà thầu được đề xuất các biện pháp thi công cho các hạng mục công việc khác phù hợp với khả năng của mình và quy mô, tính chất của gói thầu nhưng phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật để hoàn thành công việc xây lắp theo thiết kế.

**Mục 11. Giá dự thầu và biểu giá**

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu nêu trong đơn dự thầu thuộc HSDT sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu về xây lắp nêu tại Phần thứ hai của HSMT này.

2. Giá dự thầu được chào bằng đồng tiền Việt Nam.

3. Nhà thầu phải ghi đơn giá và thành tiền cho các hạng mục công việc nêu trong Bảng tiên lượng theo Mẫu số 8A, Mẫu số 8B Chương III. Đơn giá dự thầu phải bao gồm các yếu tố:..... *[Nêu các yếu tố cấu thành đơn giá dự thầu, chẳng hạn đơn giá dự thầu là đơn giá tổng hợp đầy đủ bao gồm: chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, máy, các chi phí trực tiếp khác; chi phí chung, thuế; các chi phí xây lắp khác được phân bổ trong đơn giá dự thầu như xây bến bãi, nhà ở công nhân, kho xưởng, điện, nước thi công, kể cả việc sửa chữa đền bù đường có sẵn mà xe, thiết bị thi*

*công của nhà thầu thi công vận chuyển vật liệu đi lại trên đó, các chi phí bảo vệ môi trường, cảnh quan do đơn vị thi công gây ra...*

*Trường hợp bảng tiên lượng mời thầu bao gồm các hạng mục về bố trí lán trại, chuyển quân, chuyển máy móc, thiết bị... thì nhà thầu không phải phân bổ các chi phí này vào trong các đơn giá dự thầu khác mà được chào cho từng hạng mục này.]*

Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu có thể thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần khối lượng sai khác này để chủ đầu tư xem xét. Nhà thầu không được tính toán giá trị phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.

4. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDT hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSDT thì nhà thầu phải thông báo cho bên mời thầu trước hoặc tại thời điểm đóng thầu, hoặc phải có bảng kê thành phần HSDT trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong Bảng tiên lượng. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tiên lượng.

5. Phân tích đơn giá theo yêu cầu sau[1]:..... *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu yêu cầu phân tích đơn giá của các hạng mục chính, hoặc nêu yêu cầu phân tích đơn giá đối với tất cả hạng mục trong bảng tiên lượng]*. Khi phân tích đơn giá, nhà thầu phải điền đầy đủ thông tin phù hợp vào Bảng phân tích đơn giá dự thầu (theo Mẫu số 9A và Mẫu số 9B Chương III) và Bảng tính giá vật liệu trong đơn giá dự thầu (theo Mẫu số 10 Chương III).

**Mục 12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu**

1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:

a) Đối với nhà thầu độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau:..... *[Nêu yêu cầu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu trên cơ sở tuân thủ quy định tại khoản 1 Mục 2 của Chương này, ví dụ như bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh...]*.

---

[1] *Chỉ quy định khoản này khi yêu cầu nhà thầu phân tích đơn giá*

b) Đối với nhà thầu liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại điểm a khoản này đối với từng thành viên trong liên danh;

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo quy định tại khoản 2 Mục 2 Chương này.

2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:

a) Khả năng huy động máy móc thiết bị thi công được liệt kê theo Mẫu số 4 Chương III;

b) Kê khai cán bộ chủ chốt điều hành thi công tại công trường theo Mẫu số 6A và Mẫu số 6B Chương III;

c) Các hợp đồng đang thực hiện được liệt kê theo Mẫu số 11 Chương III;

d) Các hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện được liệt kê theo Mẫu số 12 Chương III;

đ) Năng lực tài chính của nhà thầu được liệt kê theo Mẫu số 13 Chương III;

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu liên danh là tổng năng lực và kinh nghiệm của các thành viên trên cơ sở phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận, trong đó từng thành viên phải chứng minh năng lực và kinh nghiệm của mình là đáp ứng yêu cầu của HSMT cho phần việc được phân công thực hiện trong liên danh;

e) Các tài liệu khác..... *[Ghi các tài liệu khác, nếu có]*

3. Sử dụng lao động nước ngoài[1]

Nhà thầu phải kê khai trong HSDT số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của cán bộ kỹ thuật, chuyên gia nước ngoài huy động để thực hiện gói thầu theo Mẫu số 7 Chương III.

Nhà thầu không được sử dụng lao động nước ngoài thực hiện công việc mà lao động trong nước có khả năng thực hiện và đáp ứng yêu cầu của gói thầu, đặc biệt là lao động phổ thông, lao động không qua đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ. Lao động nước ngoài phải có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Sử dụng nhà thầu phụ

Trường hợp nhà thầu dự kiến sử dụng thầu phụ khi thực hiện gói thầu thì kê khai phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ theo Mẫu số 5 Chương III.

---

[1] *Chỉ quy định mục này khi gói thầu có yêu cầu về sử dụng lao động nước ngoài*

**Mục 13. Bảo đảm dự thầu**

1. Khi tham gia đấu thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo các quy định sau:

a) Hình thức bảo đảm dự thầu:..... *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể hình thức bảo đảm dự thầu theo một hoặc nhiều biện pháp: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính. Nếu yêu cầu nộp thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính thì bảo lãnh phải do một ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp phát hành đảm bảo nội dung quy định tại Mẫu số 14 Chương III. Nếu cho phép nhà thầu được thực hiện bảo đảm dự thầu theo biện pháp đặt cọc, ký quỹ thì nêu rõ cách thực hiện].*

b) Giá trị bảo đảm dự thầu:..... *[Ghi giá trị cụ thể tương đương bằng 1% giá gói thầu, được làm tròn số đến đơn vị trăm nghìn đồng].*

c) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu:..... ngày kể từ thời điểm đóng thầu. *[Ghi rõ số ngày, được xác định bằng toàn bộ thời gian có hiệu lực của HSDT quy định trong Mục 14 Chương này cộng thêm 30 ngày].*

d) Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

d.1) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại điểm b khoản này; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ bị loại theo điều kiện tiên quyết.

d.2) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại điểm b khoản này.

2. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn, không nộp theo địa chỉ (tên và địa chỉ của bên mời thầu) và thời gian quy định trong HSMT, không đúng tên gói thầu, tên nhà thầu (đối với nhà thầu liên danh thì theo quy định tại khoản 1 Mục này), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ (đối với thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính).

3. Nhà thầu không trúng thầu sẽ được hoàn trả bảo đảm dự thầu trong thời gian..... ngày *[Ghi rõ số ngày, nhưng không quá 30 ngày]* kể từ ngày nhận được thông báo kết quả đấu thầu. Đối với nhà thầu trúng thầu, bảo đảm dự thầu được hoàn trả sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

4. Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

a) Rút HSDT sau khi đóng thầu mà HSDT vẫn còn hiệu lực;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu mà không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng hoặc đã thương thảo, hoàn thiện xong nhưng từ chối ký hợp đồng mà không có lý do chính đáng;

c) Không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi ký hợp đồng hoặc trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Trường hợp một thành viên trong liên danh vi phạm dẫn đến nhà thầu không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản này thì tất cả thành viên trong liên danh đều bị tịch thu bảo đảm dự thầu.

**Mục 14. Thời gian có hiệu lực của HSDT**

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT là..... ngày kể từ thời điểm đóng thầu. *[Ghi rõ số ngày tùy thuộc quy mô, tính chất của gói thầu, nhưng không được quy định quá 120 ngày. Ví dụ: thời gian có hiệu lực của HSDT là 30 ngày kể từ 10 giờ sáng ngày 01/12/2009 có nghĩa là: HSDT có hiệu lực từ 10 giờ sáng ngày 01/12/2009 đến 24 giờ ngày 30/12/2009]*. HSDT có thời gian hiệu lực ngắn hơn so với quy định tại khoản này là không hợp lệ và bị loại.

2. Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT một hoặc nhiều lần với tổng thời gian của tất cả các lần yêu cầu nhà thầu gia hạn không quá 30 ngày, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu.

**Mục 15. Quy cách của HSDT và chữ ký trong HSDT**

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và..... bản chụp HSDT *[Ghi rõ số lượng yêu cầu nhưng không quá 5 bản]*, ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trong quá trình đánh giá, nếu bên mời thầu phát hiện bản chụp có lỗi kỹ thuật như chụp nhòe, không rõ chữ, chụp thiếu trang hoặc các lỗi khác thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở. Trường hợp bản chụp có nội dung sai khác so với bản gốc thì tùy mức độ sai khác, bên mời thầu sẽ quyết định xử lý cho phù hợp, chẳng hạn sai khác đó là không cơ bản, không làm thay đổi bản chất của HSDT thì được coi là lỗi chấp nhận được; nhưng nếu sai khác đó làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT so với bản gốc thì bị coi là gian lận, HSDT sẽ bị loại, đồng thời nhà thầu sẽ bị xử lý theo quy định tại Mục 30 Chương này.

2. HSDT phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, biểu giá và các biểu mẫu khác phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký theo hướng dẫn tại Chương III.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn dự thầu) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

## C. NỘP HỒ SƠ DỰ THẦU

### Mục 16. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDT

1. HSDT bao gồm các nội dung nêu tại Mục 7 Chương này. HSDT phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT như sau:..... *[Nêu cụ thể cách trình bày. Ví dụ: Nhà thầu phải ghi rõ các thông tin sau trên túi đựng HSDT:.....*

*- Tên, địa chỉ, điện thoại của nhà thầu:.....*

*- Địa chỉ nộp HSDT:..... [Ghi tên, địa chỉ của bên mời thầu]*

*- Tên gói thầu:.....[Ghi tên gói thầu]*

*- Không được mở trước..... giờ, ngày..... tháng..... năm..... [Ghi thời điểm mở thầu]*

*Trường hợp sửa đổi HSDT, ngoài các nội dung nêu trên còn phải ghi thêm dòng chữ "Hồ sơ dự thầu sửa đổi"]*

2. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà thầu cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của bên mời thầu được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát. Nhà thầu nên đóng gói tất cả các tài liệu của HSDT vào cùng một túi. Trường hợp cần đóng gói thành nhiều túi để dễ vận chuyển thì trên mỗi túi phải ghi rõ số thứ tự từng túi trên tổng số túi để đảm bảo tính thống nhất và từng túi cũng phải được đóng gói, niêm phong và ghi theo đúng quy định tại Mục này.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Mục này. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn tại khoản 1, khoản 2 Mục này.

**Mục 17. Thời hạn nộp HSDT**

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu:..... giờ, ngày..... tháng..... năm..... *[Ghi thời điểm đóng thầu căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu cho phù hợp, đảm bảo quy định thời gian từ khi phát hành HSMT đến thời điểm đóng thầu tối thiểu là 10 ngày].*

2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời hạn nộp HSDT (thời điểm đóng thầu) trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDT hoặc khi sửa đổi HSMT theo Mục 4 Chương này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi bên mời thầu xét thấy cần thiết.

3. Khi gia hạn thời hạn nộp HSDT, bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã mua HSMT, đồng thời thông báo gia hạn thời hạn nộp HSDT sẽ được đăng tải trên báo Đấu thầu tối thiểu 1 kỳ và đăng trên trang thông tin điện tử về đấu thầu (trừ trường hợp không thuộc diện bắt buộc) [(1)]. Khi thông báo, bên mời thầu sẽ ghi rõ thời điểm đóng thầu mới để nhà thầu có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDT đã nộp (bao gồm cả hiệu lực của HSDT) theo yêu cầu mới. Nhà thầu đã nộp HSDT có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung HSDT của mình. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì bên mời thầu quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ "mật".

---

*[(1)] Ngoài việc đăng tải như tại khoản 3 Mục này, bên mời thầu có thể quy định đăng tải đồng thời trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.*

**Mục 18. HSDT nộp muộn**

Bất kỳ tài liệu nào, kể cả thư giảm giá (nếu có) được nhà thầu gửi đến sau thời điểm đóng thầu là không hợp lệ, bị loại và được trả lại theo nguyên trạng (trừ tài liệu làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu quy định tại Mục 21 Chương này).

**Mục 19. Sửa đổi hoặc rút HSDT**

Khi muốn sửa đổi hoặc rút HSDT đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị và bên mời thầu chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu; văn bản đề nghị sửa đổi, rút HSDT phải được gửi riêng biệt với HSDT.

## D. MỞ THẦU VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

**Mục 20. Mở thầu**

1. Việc mở thầu được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu, vào lúc..... giờ, ngày..... tháng..... năm....., tại..... *[Ghi ngày, giờ và địa điểm tiến hành việc mở thầu, trong đó cần lưu ý quy định thời điểm mở thầu sao cho bảo đảm việc mở thầu phải tiến hành ngay sau thời điểm đóng thầu]* trước sự chứng kiến của những người có mặt và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu được mời. Bên mời thầu có thể mời đại diện của các cơ quan có liên quan đến tham dự lễ mở thầu.

2. Bên mời thầu tiến hành mở lần lượt HSDT của từng nhà thầu có tên trong danh sách mua HSMT (bao gồm cả nhà thầu thay đổi tư cách tham dự thầu) và nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu. HSDT của nhà thầu có văn bản đề nghị rút HSDT đã nộp và HSDT của nhà thầu nộp sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Việc mở HSDT của từng nhà thầu được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Kiểm tra niêm phong HSDT;

b) Mở HSDT;

c) Đọc và ghi vào biên bản các thông tin chủ yếu:

- Tên nhà thầu;

- Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;

- Thời gian có hiệu lực của HSDT;

- Giá dự thầu nêu trong đơn dự thầu;

- Giảm giá (nếu có);

- Giá trị, thời hạn hiệu lực và biện pháp bảo đảm dự thầu;

- Văn bản đề nghị sửa đổi HSDT (nếu có) theo quy định tại Mục 19 Chương này;

- Các thông tin khác liên quan.

4. Biên bản mở thầu cần được đại diện bên mời thầu, đại diện của từng nhà thầu có mặt và đại diện các cơ quan liên quan tham dự ký xác nhận. Bản chụp của biên bản mở thầu được gửi cho tất cả nhà thầu nộp HSDT.

5. Sau khi mở thầu, bên mời thầu phải ký xác nhận vào từng trang bản gốc của tất cả HSDT và quản lý theo chế độ hồ sơ "mật". Việc đánh giá HSDT được tiến hành theo bản chụp.

**Mục 21. Làm rõ HSDT**

1. Trong quá trình đánh giá HSDT, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ nội dung của HSDT (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường). Trường hợp HSDT thiếu tài liệu như Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư, quyết định thành lập, chứng chỉ chuyên môn phù hợp và các tài liệu khác theo yêu cầu của HSMT thì nhà thầu có thể được bên mời thầu yêu cầu bổ sung tài liệu nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

2. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ và được thực hiện dưới hình thức trao đổi trực tiếp (bên mời thầu mời nhà thầu đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (bên mời thầu gửi văn bản yêu cầu làm rõ và nhà thầu phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của nhà thầu. Nội dung làm rõ HSDT thể hiện bằng văn bản được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDT. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên mời thầu không nhận được văn bản làm rõ, hoặc nhà thầu có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời thầu thì bên mời thầu xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**Mục 22. Đánh giá sơ bộ HSDT**

1. Kiểm tra tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSDT, gồm:

a) Tính hợp lệ của đơn dự thầu theo quy định tại Mục 9 Chương này;

b) Tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh theo quy định tại khoản 2 Mục 2 Chương này (nếu có);

c) Tư cách hợp lệ của nhà thầu theo khoản 1 Mục 2 và khoản 1 Mục 12 Chương này;

d) Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT theo quy định tại khoản 1 Mục 15 Chương này;

đ) Sự hợp lệ của bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 13 Chương này;

e) Các phụ lục, tài liệu kèm theo HSDT:..... *[Nêu các yêu cầu khác (nếu có) căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu về tính hợp lệ và sự đầy đủ của HSDT]*;

2. HSDT của nhà thầu sẽ bị loại bỏ và không được xem xét tiếp nếu thuộc một trong các điều kiện tiên quyết sau:

a) Nhà thầu không có tên trong danh sách mua HSMT, trừ trường hợp thay đổi tư cách tham dự thầu theo quy định tại Mục 8 Chương này;

b) Nhà thầu không bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Mục 2 và khoản 1 Mục 12 Chương này;

c) Nhà thầu không đáp ứng điều kiện về năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;

d) Không có bảo đảm dự thầu hoặc có bảo đảm dự thầu nhưng không hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Mục 13 Chương này;

đ) Không có bản gốc HSDT;

e) Đơn dự thầu không hợp lệ theo quy định tại Mục 9 Chương này;

g) Hiệu lực của HSDT không bảo đảm yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Mục 14 Chương này;

h) HSDT có giá dự thầu không cố định, chào thầu theo nhiều mức giá hoặc giá có kèm điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư;

i) Nhà thầu có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

k) Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm trong đấu thầu theo quy định tại Điều 12 của Luật đấu thầu và khoản 3, khoản 21 Điều 2 của Luật sửa đổi.

*[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu có thể quy định thêm các điều kiện tiên quyết khác có tính đặc thù của gói thầu.]*

3. Đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định tại Mục 1 Chương II.[1]

**Mục 23. Đánh giá về mặt kỹ thuật**

Bên mời thầu tiến hành đánh giá về mặt kỹ thuật các HSDT đã vượt qua bước đánh giá sơ bộ trên cơ sở các yêu cầu của HSMT và TCĐG nêu tại Mục 2 Chương II và xác định danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật.

**Mục 24. Đánh giá về mặt tài chính**

1. Bên mời thầu tiến hành sửa lỗi (nếu có) theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 85/CP. Sau khi sửa lỗi, bên mời thầu sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu có HSDT có lỗi. Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho bên mời thầu về việc chấp nhận sửa lỗi nêu trên. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc sửa lỗi thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại. HSDT có lỗi số học với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu cũng sẽ bị loại. Lỗi số học được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi sửa lỗi.

2. Bên mời thầu thực hiện hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 85/CP. HSDT có sai lệch với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu sẽ bị loại. Giá trị các sai lệch được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi hiệu chỉnh sai lệch.

3. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Trong trường hợp đó, việc xác định giá trị tuyệt đối của lỗi số học hoặc sai lệch được tính trên cơ sở giá dự thầu ghi trong đơn.

4. Trên cơ sở giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch, bên mời thầu đề xuất danh sách xếp hạng nhà thầu theo nguyên tắc: nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch thấp nhất được xếp thứ nhất, nhà thầu có giá thấp tiếp theo được xếp hạng tiếp theo.

*5. Trường hợp gói thầu phức tạp, bên mời thầu thấy cần thiết phải xác định giá đánh giá thì giải trình bằng văn bản với chủ đầu tư. Chủ đầu tư xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật.*

---

*[1] Trường hợp đánh giá năng lực và kinh nghiệm sau khi xác định giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch thì chuyển khoản này vào cuối Mục 24 Chương này.*

*Việc xác định giá đánh giá tuân thủ theo quy định tại Mục 28 của Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp ban hành kèm theo Thông tư số 01/2010/TT-BKH ngày 06/01/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và phải được nêu cụ thể trong hồ sơ mời thầu.*

## E. TRÚNG THẦU

**Mục 25. Điều kiện được xem xét đề nghị trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Có HSDT hợp lệ;

2. Được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 1 Chương II;

3. Có đề xuất về mặt kỹ thuật được đánh giá là đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương II;

4. Có giá dự thầu (sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch) thấp nhất hoặc có giá đánh giá thấp nhất nếu áp dụng khoản 5 Mục 24 Chương này;

5. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

**Mục 26. Thông báo kết quả đấu thầu**

1. Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả đấu thầu tới các nhà thầu tham dự thầu (bao gồm cả nhà thầu trúng thầu và nhà thầu không trúng thầu). Trong thông báo kết quả đấu thầu, bên mời thầu không giải thích lý do đối với nhà thầu không trúng thầu.

2. Bên mời thầu gửi thông báo trúng thầu bằng văn bản tới nhà thầu trúng thầu kèm theo dự thảo hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương X đã được ghi các thông tin cụ thể và kế hoạch thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm và những vấn đề cần trao đổi khi thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

**Mục 27. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng**

Thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:

1. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:

- Kết quả đấu thầu được duyệt;

- Dự thảo hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương X đã được điền đầy đủ các thông tin cụ thể;

- Các yêu cầu nêu trong HSMT;

- Các nội dung nêu trong HSDT và giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

- Các nội dung cần được thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu.

2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn tối đa..... ngày *[Ghi rõ số ngày nhưng không quá 30 ngày]* kể từ ngày thông báo trúng thầu, nhà thầu trúng thầu phải gửi cho bên mời thầu văn bản chấp thuận vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu bên mời thầu không nhận được văn bản chấp thuận hoặc nhà thầu từ chối vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng thì bảo đảm dự thầu của nhà thầu này sẽ bị xử lý theo quy định tại khoản 4 Mục 13 Chương này. Đồng thời, bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy kết quả đấu thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo trúng thầu để có cơ sở pháp lý mời vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

3. Nội dung thương thảo, hoàn thiện hợp đồng bao gồm các vấn đề còn tồn tại, chưa hoàn chỉnh, chi tiết hóa các nội dung còn chưa cụ thể, đặc biệt là việc áp giá đối với những sai lệch trong HSDT. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng cũng bao gồm cả việc xem xét các sáng kiến, biện pháp kỹ thuật, thay thế hoặc bổ sung do nhà thầu đề xuất (nếu có), khối lượng công việc trong bảng tiên lượng mời thầu chưa chính xác so với thiết kế do nhà thầu phát hiện, đề xuất trong HSDT hoặc do bên mời thầu phát hiện sau khi phát hành HSMT và việc áp giá đối với phần công việc mà tiên lượng tính thiếu so với thiết kế.

4. Sau khi đạt được kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Trong trường hợp liên danh, hợp đồng được ký kết phải bao gồm chữ ký của tất cả các thành viên trong liên danh.

**Mục 28. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 3 Chương IX để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng.

Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

**Mục 29. Kiến nghị trong đấu thầu**

Nhà thầu tham gia đấu thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề khác trong quá trình đấu thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 Luật đấu thầu, Chương X Nghị định số 85/CP.

Trường hợp nhà thầu có kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu gửi người có thẩm quyền và Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị, nhà thầu sẽ phải nộp một khoản chi phí là 2.000.000 đồng cho bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn về giải quyết kiến nghị. Trường hợp nhà thầu có kiến nghị được kết luận là đúng thì chi phí do nhà thầu nộp sẽ được hoàn trả bởi cá nhân, tổ chức có trách nhiệm liên đới.

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời thầu:..... *[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ].*

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư:..... *[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ].*

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền:..... *[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ].*

Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn:..... *[Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ].*

**Mục 30. Xử lý vi phạm trong đấu thầu**

1. Trường hợp nhà thầu có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Luật đấu thầu, Luật sửa đổi, Nghị định số 85/CP và các quy định pháp luật khác liên quan.

2. Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời sẽ được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng tải trên báo Đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu, để theo dõi, tổng hợp và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định xử lý vi phạm được thực hiện ở bất kỳ địa phương, ngành nào đều có hiệu lực thi hành trên phạm vi cả nước và trong tất cả các ngành.

4. Nhà thầu bị xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu có quyền khởi kiện ra Tòa án về quyết định xử lý vi phạm.

## Chương II

## TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

*Chương này bao gồm TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu và TCĐG về mặt kỹ thuật.*

*TCĐG dưới đây chỉ mang tính hướng dẫn. Khi soạn thảo nội dung này cần căn cứ theo tính chất gói thầu mà quy định cho phù hợp. TCĐG phải công khai trong HSMT. Trong quá trình đánh giá HSDT phải tuân thủ TCĐG nêu trong HSMT, không được thay đổi, bổ sung bất kỳ nội dung nào.*

### Mục 1. TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Các TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu được sử dụng theo tiêu chí "đạt", "không đạt". Nhà thầu phải "đạt" cả 3 nội dung nêu tại các khoản 1, 2 và 3 trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Các điểm 1, 2 và 3 chỉ được đánh giá là "đạt" khi tất cả nội dung chi tiết trong từng điểm được đánh giá là "đạt".

TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

| TT | Nội dung yêu cầu (1) | Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt) |
|---|---|---|
| 1 | Kinh nghiệm | |
| | *Số lượng các hợp đồng xây lắp tương tự đã thực hiện(2) với tư cách là nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ trong thời gian..... [Ghi số năm] (3)năm gần đây.*<br>*Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải có..... [Ghi số hợp đồng](4) hợp đồng xây lắp tương tự với phần công việc đảm nhận trong liên danh.* | |
| 2 | Năng lực kỹ thuật | |
| | *2.1. Nhân sự chủ chốt(5)* | |
| | *2.2. Thiết bị thi công chủ yếu(6)* | |

| TT | Nội dung yêu cầu (1) | Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt) |
|---|---|---|
| 3 | Năng lực tài chính | |
| | 3.1. Doanh thu | |
| | *Doanh thu trung bình hàng năm trong thời gian..... [Ghi số năm] năm gần đây (7)* | |
| | *Trong trường hợp liên danh, doanh thu trung bình hàng năm của cả liên danh được tính bằng tổng doanh thu trung bình hàng năm của các thành viên trong liên danh* | |
| | 3.2. Tình hình tài chính lành mạnh | |
| | *(a) Số năm nhà thầu hoạt động không lỗ trong thời gian yêu cầu báo cáo về tình hình tài chính theo khoản 3.1 Mục này.* | *từ 1 năm trở lên* |
| | *(b) Nhà thầu thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.*<br><br>*Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu nêu tại điểm a và b khoản này.* | *trong toàn bộ thời gian yêu cầu báo cáo về tình hình tài chính theo khoản 3.1 Mục này* |

*Ghi chú:*

*(1) Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định nội dung chi tiết về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu cho phù hợp.*

*(2), (4) Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế của ngành, địa phương để quy định cho phù hợp. Thông thường từ 1 đến 3 hợp đồng tương tự. Đối với nhà thầu liên danh thì kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng kinh nghiệm của các thành viên liên danh, tuy nhiên kinh nghiệm của mỗi thành viên chỉ xét theo phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận trong liên danh.*

*Hợp đồng xây lắp tương tự là hợp đồng trong đó công việc xây lắp có các tính chất tương tự với gói thầu đang xét, bao gồm:*

*- Tương tự về bản chất và độ phức tạp: có cùng loại và cấp công trình tương tự hoặc cao hơn cấp công trình yêu cầu cho gói thầu này theo quy định của pháp luật về xây dựng. Đối với các công việc đặc thù, có thể chỉ yêu cầu nhà thầu phải có hợp đồng thi công tương tự về bản chất và độ phức tạp đối với các hạng mục chính của gói thầu.*

*- Tương tự về quy mô công việc: có giá trị công việc xây lắp bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị công việc xây lắp của gói thầu đang xét.*

*Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị phần công việc xây lắp của hợp đồng trong khoảng 50% - 70% giá trị phần công việc xây lắp của gói thầu đang xét, đồng thời vẫn phải yêu cầu nhà thầu đảm bảo có hợp đồng thi công tương tự về bản chất và độ phức tạp đối với các hạng mục chính của gói thầu.*

*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.*

*(3) Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế của ngành, địa phương để quy định cho phù hợp. Thông thường từ 3 - 5 năm*

*(5) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà quy định các nhân sự chủ chốt như chỉ huy trưởng công trình, chủ nhiệm kỹ thuật thi công, chủ nhiệm thiết kế bản vẽ thi công, đội trưởng thi công. Yêu cầu đối với các vị trí nhân sự chủ chốt phải tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng.*

*(6) Yêu cầu về các thiết bị thi công chủ yếu được xác định theo phạm vi và tính chất của các công tác thi công trong gói thầu. Căn cứ đặc thù của gói thầu mà các thiết bị thi công chủ yếu có thể bao gồm thiết bị thi công công tác đất (máy đào, san ủi, đầm), thiết bị thi công nền, móng (gia cố nền, thi công cọc, móng), thiết bị vận tải (xe tải, xe ben), thiết bị vận tải nâng (cần cẩu, vận thăng), thiết bị định vị, đo đạc công trình (kinh vĩ, thủy bình), thiết bị cho công tác bê tông cốt thép (cốp pha, cắt uốn thép, trộn bê tông, vận chuyển, bơm bê tông, đầm bê tông), giàn giáo, máy hàn, máy bơm, máy phát điện dự phòng... Đối với mỗi loại thiết bị, cần nêu rõ yêu cầu về tính năng kỹ thuật, số lượng. Thiết bị thi công phải thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc có thể đi thuê nhưng nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói thầu.*

*(7) Đối với yêu cầu về doanh thu:*

*- Thời gian yêu cầu thông thường là 2 - 3 năm. Trong một số trường hợp có thể quy định 1 - 2 năm để khuyến khích sự tham gia của các nhà thầu mới thành lập.*

*- Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu trung bình hàng năm: Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm = Giá gói thầu/số năm thực hiện hợp đồng*

*Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 1 năm thì áp dụng công thức: Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm = Giá gói thầu*

*- Đối với trường hợp nhà thầu liên danh, việc đánh giá tiêu chuẩn về doanh thu của từng thành viên liên danh căn cứ vào giá trị, khối lượng do từng thành viên đảm nhiệm.*

**Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật**

*Áp dụng tiêu chí "đạt", "không đạt" đối với TCĐG về kỹ thuật.*

*Căn cứ tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các nội dung yêu cầu cơ bản, chỉ sử dụng tiêu chí "đạt", "không đạt". Đối với các nội dung yêu cầu không cơ bản, ngoài tiêu chí "đạt", "không đạt", được áp dụng thêm tiêu chí "chấp nhận được" nhưng không được vượt quá 30% tổng số các nội dung yêu cầu trong TCĐG.*

*HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là "đạt", các nội dung yêu cầu không cơ bản được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được".*

*Ví dụ về TCĐG về mặt kỹ thuật theo tiêu chí "đạt", "không đạt" được nêu ở ví dụ 1, Phụ lục Mẫu HSMT này.*

## Chương III

## BIỂU MẪU DỰ THẦU

### Mẫu số 1

### ĐƠN DỰ THẦU

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:..... *[Ghi tên bên mời thầu]*
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số..... *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,..... *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là..... *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là..... *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28 Chương I và Điều 3 Điều kiện của hợp đồng trong hồ sơ mời thầu.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian..... ngày, kể từ..... giờ, ngày..... tháng..... năm..... *[Ghi thời điểm đóng thầu]*.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU[1]
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 Luật đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 30 Chương I của HSMT này.

Mẫu số 2

GIẤY ỦY QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại.....

Tôi là..... *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]*, là người đại diện theo pháp luật của..... *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại..... *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho..... *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án..... *[Ghi tên dự án]* do..... *[Ghi tên bên mời thầu]* tổ chức:

*[- Ký đơn dự thầu;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]* [2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của..... *[Ghi tên nhà thầu]*..... *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do..... *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày..... đến ngày.....[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành..... bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ..... bản, người được ủy quyền giữ..... bản.

| NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN<br>*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]* | NGƯỜI ỦY QUYỀN<br>*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |
|---|---|

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 9 Chương I. Việc ủy quyền của

người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

Mẫu số 3

THỎA THUẬN LIÊN DANH[1]

....., ngày..... tháng..... năm.....

Gói thầu:..... *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án:..... *[Ghi tên dự án]*

Căn cứ[2]..... *[Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội];*

Căn cứ[2]..... *[Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009];*

Căn cứ[2]..... *[Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng];*

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]* ngày..... tháng..... năm..... *[ngày được ghi trên HSMT]*;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh..... *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

Đại diện là ông/bà:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Fax:.....

E-mail:.....

Tài khoản:.....

Mã số thuế:.....

Giấy ủy quyền số ngày ..... tháng..... năm..... *[Trường hợp được ủy quyền]*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

---

*[1] Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.*

*[2] Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.*

**Điều 1.** Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án..... *[Ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là:..... *[Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

*- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh*

*- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng*

*- Hình thức xử lý khác..... [Ghi rõ hình thức xử lý khác].*

**Điều 2.** Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án..... *[Ghi tên dự án]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho..... *[Ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau[1]:

*[- Ký đơn dự thầu;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*

*- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng..... [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].*

---

[1] Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

2. Các thành viên trong liên danh..... *[Ghi cụ thể phần công việc và giá trị tương ứng, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].*

**Điều 3.** Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy đấu thầu gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án..... *[Ghi tên dự án]* theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành..... bản, mỗi bên giữ..... bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
*[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Mẫu số 4

BẢNG KÊ KHAI MÁY MÓC, THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU (1)

| Loại máy móc, thiết bị thi công | Số lượng | Công suất | Tính năng | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Sở hữu của nhà thầu hay đi thuê(2) | Chất lượng sử dụng hiện nay |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | |

Ghi chú:

(1) Kê khai máy móc thiết bị thi công dùng riêng cho gói thầu này.

(2) Trường hợp thuê máy móc, thiết bị thi công thì cần có giấy tờ xác nhận (bản cam kết hai bên,...). Trường hợp thuộc sở hữu của nhà thầu thì cần có giấy tờ chứng minh.

Mẫu số 5

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ[1]

| STT | Tên nhà thầu phụ (nếu có)[2] | Phạm vi công việc | Khối lượng công việc | Giá trị ước tính | Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu chính (nếu có) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| ... | | | | | |

Ghi chú:

(1) Trường hợp không sử dụng nhà thầu phụ thì không kê khai vào Mẫu này.

(2) Trường hợp nhà thầu dự kiến được tên nhà thầu phụ thì kê khai vào cột này. Trường hợp chưa dự kiến được thì để trống nhưng nhà thầu phải kê khai phạm vi công việc, khối lượng công việc và giá trị ước tính dành cho nhà thầu phụ.

Mẫu số 6A

DANH SÁCH CÁN BỘ CHỦ CHỐT

| STT | Họ tên | Chức danh[1] |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| ... | | |

Ghi chú: Gửi kèm theo một bản khai tóm tắt năng lực, kinh nghiệm công tác của từng cán bộ chủ chốt theo Mẫu số 6B.

Mẫu số 6B

BẢN KÊ KHAI NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT

Chức danh[2]:.....

1. Họ tên:..... Tuổi:.....
2. Bằng cấp:.....
Trường:..... Ngành:.....
3. Địa chỉ liên hệ:..... Số điện thoại:.....

Sau đây là Bảng tổng hợp kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian:

| Từ năm | Đến năm | Công ty/Dự án tương tự | Vị trí tương tự | Kinh nghiệm về kỹ thuật và quản lý tương ứng |
|---|---|---|---|---|
| | | | | |
| | | | | |

Ghi chú: Gửi kèm theo bản chụp được chứng thực của các văn bằng, chứng chỉ liên quan.

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI KHAI

[Ký tên]

---

[1], [2] Ghi chức danh dự kiến cho gói thầu này. Ví dụ: Giám đốc điều hành

Mẫu số 7

## BẢN KÊ KHAI SỬ DỤNG CHUYÊN GIA, CÁN BỘ KỸ THUẬT NƯỚC NGOÀI

| STT | Họ tên | Quốc tịch | Trình độ học vấn | Năng lực chuyên môn | Chức danh đảm nhiệm dự kiến | Thời gian thực hiện công việc dự kiến |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

Ghi chú: Trường hợp không sử dụng chuyên gia, cán bộ kỹ thuật nước ngoài thì không kê khai vào Mẫu này.

Mẫu số 8A

BIỂU TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

| STT | Nội dung công việc | Thành tiền |
|---|---|---|
| *1* | *Phần cọc* | |
| *2* | *Phần móng* | |
| | ... | |
| *n* | *Phần hoàn thiện* | |
| Cộng | | |
| Thuế *[áp dụng đối với trường hợp đơn giá trong biểu giá chi tiết là đơn giá trước thuế]* | | |
| Tổng cộng | | |

Tổng cộng:..... *[Ghi bằng số]*

Bằng chữ:.....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Biểu tổng hợp giá dự thầu được lập trên cơ sở các biểu chi tiết

Mẫu số 8B

BIỂU CHI TIẾT GIÁ DỰ THẦU[1]

| STT | Hạng mục công việc | Đơn vị tính | Khối lượng mời thầu | Đơn giá dự thầu | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| | | | | | |
| ... | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | |

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Có thể lập từng biểu chi tiết cho từng hạng mục chính, ví dụ cho công tác thoát nước...

Cột (2): ghi các nội dung công việc như bảng tiên lượng mời thầu.

Cột (4): ghi đúng khối lượng được nêu trong Bảng tiên lượng mời thầu.

Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng riêng cho phần khối lượng sai khác này để chủ đầu tư xem xét, không ghi chung vào biểu này.

Mẫu số 9A

PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ DỰ THẦU[1]

Đối với đơn giá xây dựng chi tiết

Hạng mục công việc:.....

Đơn vị tính: VND

| Mã hiệu đơn giá | Mã hiệu VL, NC, M | Thành phần hao phí | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| DG.1 | | Chi phí VL | | | | |
| | Vl.1 | | | | | |
| | Vl.2 | | | | | |
| | ... | | | | | |
| | | Cộng | | | | *VL* |
| | | Chi phí NC *(theo cấp bậc thợ bình quân)* | công | | | *NC* |
| | | Chi phí MTC | | | | |
| | M.1 | | ca | | | |
| | M.2 | | ca | | | |
| | ... | | | | | |
| | | Cộng | | | | *M* |
| | | Tổng cộng | | | | $\Sigma_1$ |

Ghi chú: (1) *Căn cứ tính chất của hạng mục công việc mà yêu cầu hoặc không yêu cầu nhà thầu phân tích đơn giá theo Mẫu này. Trường hợp không yêu cầu thì bỏ Mẫu này. Trường hợp đơn giá được tổng hợp đầy đủ thì bao gồm cả chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước.*

Cột (6) là đơn giá do nhà thầu chào, không phải là đơn giá do Nhà nước quy định.

Mẫu số 9B

PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ DỰ THẦU[1]

Đối với đơn giá xây dựng tổng hợp

Hạng mục công việc:.....

Đơn vị tính: VND

| Mã hiệu đơn giá | Thành phần công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | Thành phần chi phí | | | Tổng cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Vật liệu | Nhân công | Máy | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| DG.1 | | | | | | | |
| DG.2 | | | | | | | |
| DG.3 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| | Cộng | | | *VL* | *NC* | *M* | Σ |

Ghi chú:

(1) *Căn cứ tính chất của hạng mục công việc mà yêu cầu hoặc không yêu cầu nhà thầu phân tích đơn giá theo Mẫu này. Trường hợp không yêu cầu thì bỏ Mẫu này. Trường hợp đơn giá được tổng hợp đầy đủ thì bao gồm cả chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước.*

Cột (5), (6), (7): là đơn giá do nhà thầu chào, không phải là đơn giá do Nhà nước quy định.

Mẫu số 10

BẢNG TÍNH GIÁ VẬT LIỆU TRONG ĐƠN GIÁ DỰ THẦU[1]

| STT | Loại vật liệu | Đơn vị tính | Đơn giá của vật liệu | Chi phí đến công trường | Đơn giá tính trong giá dự thầu[2] |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

Ghi chú:

(1) *Căn cứ tính chất của hạng mục công việc mà yêu cầu hoặc không yêu cầu nhà thầu phân tích giá vật liệu theo Mẫu này. Trường hợp không yêu cầu thì bỏ Mẫu này.*

(2) Là đơn giá do nhà thầu chào, không phải là đơn giá do Nhà nước quy định.

Mẫu số 11

## HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN CỦA NHÀ THẦU

....., ngày..... tháng..... năm.....

Tên nhà thầu:..... *[Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

| STT | Tên hợp đồng | Tên dự án | Tên chủ đầu tư | Giá hợp đồng (hoặc giá trị được giao thực hiện) | Giá trị phần công việc chưa hoàn thành | Ngày hợp đồng có hiệu lực | Ngày kết thúc hợp đồng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng đang thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...)

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 12

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN [1]

....., ngày..... tháng..... năm.....

Tên nhà thầu:..... *[Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần đảm bảo các thông tin sau đây:

| | | |
|---|---|---|
| Tên và số hợp đồng | *[Ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]* | |
| Ngày ký hợp đồng | *[Ghi ngày, tháng, năm]* | |
| Ngày hoàn thành | *[Ghi ngày, tháng, năm]* | |
| Giá hợp đồng | *[Ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền] VND* | |
| Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm | *[Ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]* | *[Ghi số tiền] VND* |
| Tên dự án: | *[Ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]* | |
| Tên chủ đầu tư: | *[Ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]* | |
| Địa chỉ:<br>Điện thoại/fax:<br>E-mail: | *[Ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]*<br>*[Ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]* | |
| Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 1 Chương II [2] | | |
| 1. Loại, cấp công trình | *[Ghi thông tin phù hợp]* | |
| 2. Về giá trị | *[Ghi số tiền] VND* | |
| 3. Về quy mô thực hiện | *[Ghi quy mô theo hợp đồng]* | |
| 4. Về độ phức tạp và điều kiện thi công | *[Mô tả về độ phức tạp của công trình]* | |
| 5. Các đặc tính khác | *[Ghi các đặc tính khác theo Chương IV]* | |

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của chủ đầu tư về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...)

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Nhà thầu kê khai theo Mẫu này cho từng hợp đồng tương tự đã và đang thực hiện.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Mẫu số 13

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

....., ngày..... tháng..... năm.....

Tên nhà thầu:..... *[Ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong..... năm tài chính gần đây *[Ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương II]*.

Đơn vị tính: VND

| STT | | Năm..... | Năm..... | Năm..... |
|---|---|---|---|---|
| 1 | *Tổng tài sản* | | | |
| 2 | *Tổng nợ phải trả* | | | |
| 3 | *Tài sản ngắn hạn* | | | |
| 4 | *Tổng nợ ngắn hạn* | | | |
| 5 | *Doanh thu* | | | |
| 6 | *Lợi nhuận trước thuế* | | | |
| 7 | *Lợi nhuận sau thuế* | | | |
| 8 | *Các nội dung khác (nếu có yêu cầu)* | | | |

**B. Tài liệu gửi đính kèm** nhằm đối chứng với các số liệu mà nhà thầu kê khai, nhà thầu nộp Báo cáo tài chính và bản chụp được chứng thực của một trong các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế trong..... năm tài chính gần đây *[Ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương II];*

2. Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai trong..... năm tài chính gần đây *[Ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương II];*

3. Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trong..... năm tài chính gần đây *[Ghi số năm theo quy định tại khoản 3 Mục 1 Chương II]*;

4. Báo cáo kiểm toán.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú: Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 14

BẢO LÃNH DỰ THẦU[1]

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:..... *[Ghi tên bên mời thầu]*
(sau đây gọi là bên mời thầu)

Căn cứ vào việc..... *[Ghi tên nhà thầu tham dự thầu]*, sau đây gọi là "nhà thầu", sẽ tham dự thầu gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ..... *[Ghi tên dự án]*.

Chúng tôi ..... *[Ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính]* có trụ sở đăng ký tại ..... *[Ghi địa chỉ của ngân hàng, tổ chức tài chính]*, xin cam kết với bên mời thầu bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ..... *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ]*.

Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong hồ sơ mời thầu.[2]

Bảo lãnh này có hiệu lực trong..... [3] ngày kể từ ..... [4]. Bất cứ yêu cầu nào của bên mời thầu liên quan đến bảo lãnh này thì..... *[Ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính]* phải nhận được trước khi kết thúc thời hạn nói trên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Trường hợp nhà thầu liên danh dự thầu và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: "Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSMT."

(3) Ghi theo quy định tại khoản 1 Mục 13 Chương I.

(4) Ghi theo thời điểm đóng thầu như quy định tại khoản 1 Mục 17.

## Phần thứ hai

## YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP

### Chương IV

### GIỚI THIỆU DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

Chương này giới thiệu khái quát thông tin về dự án và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án, quy mô của dự án, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin cần thiết khác.

1. Giới thiệu về dự án

a) Dự án

- Tên dự án
- Chủ đầu tư
- Nguồn vốn
- Quyết định đầu tư
- Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu

b) Địa điểm xây dựng

- Vị trí
- Hiện trạng mặt bằng: các công trình nổi và ngầm hiện có
- Hạ tầng kỹ thuật hiện có cho địa điểm: Cấp nước, thoát nước, cấp điện, đường giao thông…

c) Quy mô xây dựng

- Loại công trình và chức năng
- Quy mô và các đặc điểm khác

2. Giới thiệu về gói thầu

a) Phạm vi công việc của gói thầu

b) Thời hạn hoàn thành.

### Chương V

### BẢNG TIÊN LƯỢNG

*Chương này liệt kê khối lượng công việc mà nhà thầu phải thực hiện làm căn cứ để nhà thầu tính toán giá dự thầu.*

| STT | Hạng mục, nội dung công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | *(Có thể nêu yêu cầu kỹ thuật tham chiếu)* |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng riêng cho phần khối lượng sai khác này để chủ đầu tư xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.

*Ví dụ minh họa về Bảng tiên lượng được nêu ở ví dụ 2, Phụ lục Mẫu HSMT này.*

*Ghi chú:*

*(1) Không nên lấy toàn bộ danh mục công việc trong dự toán thiết kế để cấu trúc thành bảng tiên lượng, nên rút gọn, đưa danh mục theo tiêu chí cần kiểm soát, giám sát nghiệm thu. Đối với các khối lượng liên quan tới biện pháp thi công mà nhà thầu có thể chủ động cải tiến nhằm tăng năng suất, hiệu quả thì không nên nêu chi tiết.*

*(2) Danh mục và khối lượng công việc phải phù hợp với nguyên tắc thanh toán sau này (trọn gói/nghiệm thu theo bản vẽ thi công, theo thực tế,...)*

*(3) Những công việc tương tự hoặc trong chu trình thi công liên tục để hình thành sản phẩm xây lắp thì nên cấu trúc để nhà thầu chào dưới dạng đơn giá tổng hợp.*

*(4) Khi lập Bảng tiên lượng đối với gói thầu lớn, nên phân thành nhóm công việc tương tự, như công tác chuẩn bị, công tác đất đá, công tác ngầm, công tác bê tông, công tác kết cấu thép,...*

*Ví dụ: Đối với công tác bê tông, thường lập dự toán phần vữa, biện pháp đổ cầu, thủ công, hoặc bơm, công tác cốp pha riêng nhưng Bảng tiên lượng chỉ nên đưa thành một mục là bê tông. Trong trường hợp này, trong cột Ghi chú có thể nêu: "Thuyết minh tại mục... trong Chương VII - Yêu cầu về mặt kỹ thuật" hoặc "Phạm vi công việc bao gồm toàn bộ các chi phí vữa, biện pháp thi công, chi phí cốp pha để hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu kỹ thuật".*

## Chương VI

## YÊU CẦU VỀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

*Chương này nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công tới khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.*

*Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.*

| STT | Hạng mục công trình | Ngày bắt đầu | Ngày hoàn thành |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |
| 4 | | | |
| ... | | | |

## Chương VII

## YÊU CẦU VỀ MẶT KỸ THUẬT

*Toàn bộ các yêu cầu về mặt kỹ thuật phải được soạn thảo dựa trên cơ sở quyết định đầu tư kèm theo các tài liệu làm cơ sở của quyết định đầu tư, kế hoạch đấu thầu, hồ sơ thiết kế và các tài liệu hướng dẫn kèm theo, các quy định pháp luật về đấu thầu.*

*Yêu cầu về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:*

*1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;*

*2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;*

*3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);*

*4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;*

*5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;*

*6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có);*

*7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;*

*8. Yêu cầu về an toàn lao động;*

*9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;*

*10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;*

*11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;*

*12. Yêu cầu khác căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu.*

*Trong yêu cầu về mặt kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu, không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của vật tư, máy móc, thiết bị.*

*Trường hợp đặc biệt cần thiết phải nêu nhãn hiệu, catalô của một nhà sản xuất nào đó, hoặc vật tư, máy móc, thiết bị từ một nước hoặc vùng lãnh thổ nào đó để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về mặt kỹ thuật của vật tư, máy móc, thiết bị thì phải ghi kèm theo cụm từ "hoặc tương đương" sau nhãn hiệu, catalô hoặc xuất xứ nêu ra và quy định rõ khái niệm tương đương nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các vật tư, máy móc, thiết bị đã nêu để không tạo định hướng cho một sản phẩm hoặc cho một nhà thầu nào đó.*

*Đối với các yêu cầu kỹ thuật cụ thể, có thể được miêu tả dưới hình thức bảng biểu như ví dụ minh họa về yêu cầu về vật liệu xây dựng và quy phạm thi công nêu tại ví dụ 3 và ví dụ 4, Phụ lục Mẫu HSMT này.*

## Chương VIII

## CÁC BẢN VẼ

Chương này liệt kê các bản vẽ(1).

| STT | Ký hiệu | Tên bản vẽ | Phiên bản/ngày phát hành |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |
| 4 | | | |
| ... | | | |

Ghi chú:

(1) Chủ đầu tư căn cứ vào pháp luật về xây dựng để đưa ra danh mục các bản vẽ cho phù hợp.

Phần thứ ba

YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương IX

ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

**Điều 1.** Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Hợp đồng" là sự thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.

2. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền mà chủ đầu tư đã thỏa thuận với nhà thầu theo hợp đồng.

3. "Chủ đầu tư" là..... *[Ghi tên chủ đầu tư]*.

4. "Nhà thầu" là..... *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]*.

5. "Nhà thầu phụ" là nhà thầu thỏa thuận hoặc ký kết hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc xây dựng đã được dự kiến trong HSDT.

6. "Tư vấn giám sát" là nhà thầu tư vấn được chủ đầu tư lựa chọn để hoạt động thường xuyên và liên tục tại hiện trường nhằm giám sát việc thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình. Nhà tư vấn giám sát là..... *[Ghi tên tư vấn giám sát]*.

7. "Ngày khởi công" là ngày mà chủ đầu tư quyết định cho nhà thầu bắt đầu thi công công trình.

8. "Thời gian hoàn thành" là khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành công trình được tính từ ngày khởi công đến ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao.

9. "Ngày" là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.

10. "Thời hạn bảo hành công trình xây dựng" là thời gian nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình. Thời hạn bảo hành được tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao.

11. "Biên bản nghiệm thu" là biên bản được phát hành theo Điều 34 Chương này.

12. "Công trường" là địa điểm mà chủ đầu tư quy định cho nhà thầu sử dụng để thi công công trình:..... *[Ghi địa điểm công trường]*

**Điều 2.** Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng

Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật của Việt Nam. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.

**Điều 3.** Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

a) Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng:.....

*[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là..... ngày trước khi ký hợp đồng, hoặc sau khi ký hợp đồng nhưng trước ngày hợp đồng có hiệu lực...]*

b) Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng:.....

*[Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc, ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính. Ví dụ, việc yêu cầu bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng hình thức nộp thư bảo lãnh của ngân hàng:*

*Nếu yêu cầu nhà thầu phải nộp bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính thì bảo lãnh phải do một ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp phát hành đảm bảo nội dung theo Mẫu số 16 Chương X. Nếu cho phép nhà thầu được thực hiện bảo đảm dự thầu theo biện pháp đặt cọc, ký quỹ thì nêu rõ cách thực hiện]*

c) Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng:.....% giá hợp đồng *[Ghi giá trị cụ thể căn cứ yêu cầu của gói thầu với giá trị tuyệt đối là 3% giá hợp đồng, được làm tròn số đến đơn vị trăm nghìn đồng].*

d) Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày..... tháng ..... năm.....

*[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định].*

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho chủ đầu tư như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của nhà thầu khi nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu trong thời hạn..... *[Ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu.*

*Ví dụ: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn..... ngày kể từ khi công trình được bàn giao, nghiệm thu, đồng thời nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.]*

**Điều 4.** Hình thức hợp đồng

Hình thức hợp đồng là:..... *[Ghi một hoặc các hình thức hợp đồng phù hợp và nguyên tắc thanh toán đối với từng hình thức. Đối với hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng không được điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng. Đối với hợp đồng theo đơn giá, nhà thầu được thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc thực tế đã thực hiện].*

**Điều 5.** Nhà thầu phụ

1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Danh sách các nhà thầu phụ bao gồm:..... *[Ghi danh sách nhà thầu phụ]*

Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ chỉ được thực hiện khi chủ đầu tư chấp thuận.

2. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá ..... giá hợp đồng *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà ghi phần trăm cho phù hợp. Nhà thầu phụ không thực hiện toàn bộ công việc của gói thầu.]*

3. Nhà thầu không được sử dụng thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ trong HSDT.

4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ:..... *[Ghi yêu cầu khác về thầu phụ, nếu có].*

**Điều 6.** Nhân sự của nhà thầu

Nhà thầu phải sử dụng các cán bộ chủ chốt có tên trong Danh sách cán bộ chủ chốt để thực hiện các công việc nêu trong danh sách này hoặc sử dụng các cán bộ khác

được chủ đầu tư chấp thuận. Chủ đầu tư sẽ chỉ chấp thuận việc đề xuất thay thế cán bộ chủ chốt trong trường hợp có lý do chính đáng, năng lực và trình độ của những người thay thế về cơ bản tương đương hoặc cao hơn các cán bộ được liệt kê trong danh sách.

Danh sách cán bộ chủ chốt bao gồm:..... *[Ghi danh sách cán bộ chủ chốt phù hợp với Danh sách cán bộ chủ chốt như kê khai trong HSDT].*

**Điều 7.** Bồi thường thiệt hại

1. Nhà thầu phải bồi thường và chịu trách nhiệm về những tổn hại cho chủ đầu tư, nhân viên của chủ đầu tư đối với các thiệt hại, mất mát và các chi phí liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hoặc thiệt hại về tính mạng của bất kỳ người nào xảy ra trong hoặc ngoài quá trình thi công hoặc do nguyên nhân từ bản vẽ của nhà thầu, từ việc thi công, hoàn thành công trình, sửa chữa sai sót, trừ trường hợp do chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư cẩu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng;

b) Hỏng hóc hay mất mát bất cứ tài sản nào (không phải là công trình) xảy ra trong hoặc ngoài quá trình thi công hoặc do nguyên nhân từ bản vẽ của nhà thầu, từ việc thi công, hoàn thành công trình, sửa chữa sai sót, trừ trường hợp do chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư cẩu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng.

2. Chủ đầu tư phải bồi thường và chịu trách nhiệm về những tổn hại cho nhà thầu, các nhân viên của nhà thầu đối với các thiệt hại, mất mát và các chi phí liên quan đến tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hoặc thiệt hại về tính mạng được xác định do chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư cẩu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng.

**Điều 8.** Trường hợp bất khả kháng

1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, nhà thầu theo hướng dẫn của chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 12 Chương này.

**Điều 9.** Bảo hiểm

Yêu cầu về bảo hiểm như sau:..... *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để nêu yêu cầu về bảo hiểm, bao gồm cả bảo hiểm công trình phù hợp với pháp luật xây dựng đối với cả chủ đầu tư và nhà thầu. Ví dụ, kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu...]*

**Điều 10.** An toàn

Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho tất cả các hoạt động tại công trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 11.** Tư vấn giám sát

1. Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.

2. Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

3. Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu.

**Điều 12.** Giải quyết tranh chấp

1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian..... *[Ghi số ngày]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế sau:..... *[Ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp.....]*

**Điều 13.** Tiến độ thực hiện

1. Chủ đầu tư phải giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào ngày:..... ..... *[Ghi ngày tháng giao công trường].*

2. Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào ngày khởi công:..... *[Ghi ngày dự kiến khởi công].* Nhà thầu phải hoàn thành công trình vào ngày hoàn thành dự kiến:..... *[Ghi ngày hoàn thành dự kiến].*

**Điều 14.** Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng

1. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong những trường hợp sau đây:

a) Chủ đầu tư không giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào thời gian quy định tại Điều 13 Chương này;

b) Chủ đầu tư không chấp thuận nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ nêu tại khoản 1 Điều 5 Chương này mà không có lý do chính đáng;

c) Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình;

d) Các trường hợp khác như sau:..... *[Ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác, nếu có].*

2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ của bất kỳ hoạt động nào trong công trình.

3. Trường hợp cần rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư phải tiến hành thương thảo với nhà thầu về các nội dung liên quan.

**Điều 15.** Chất lượng vật tư, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư và thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

**Điều 16.** Xử lý sai sót

Tư vấn giám sát phải chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá chất lượng các công việc của nhà thầu. Trường hợp phát hiện sai sót, tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu xem xét tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục. Việc kiểm tra nói trên không ảnh hưởng tới nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

**Điều 17.** Bảo hành công trình

1. Thời gian bảo hành công trình là..... *[Ghi thời gian bảo hành công trình]* được tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng. Thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu.

2. Yêu cầu về bảo hành công trình:..... *[Ghi yêu cầu về bảo hành công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng]*.

3. Trong thời gian bảo hành, chủ đầu tư cần thông báo cho nhà thầu về những hư hỏng liên quan tới công trình do lỗi của nhà thầu gây ra. Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của nhà thầu trong khoảng thời gian do chủ đầu tư quy định.

4. Trường hợp nhà thầu không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định, chủ đầu tư có thể thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả chi phí này.

**Điều 18.** Biểu giá hợp đồng

Biểu giá hợp đồng nêu tại Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà nhà thầu phải thực hiện và đơn giá của các hạng mục đó.[1]

**Điều 19.** Điều chỉnh giá hợp đồng

Điều chỉnh giá hợp đồng được áp dụng cho phần công việc áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá. Nội dung điều chỉnh, phương pháp và thời gian tính điều chỉnh, cơ sở dữ liệu đầu vào để tính điều chỉnh giá được quy định như sau:.....

---

[1] Trường hợp áp dụng hình thức trọn gói, cần quy định thêm: "Khối lượng công việc mà nhà thầu phải thực hiện để hoàn thành theo thiết kế nhiều hơn hoặc ít hơn khối lượng nêu trong biểu giá hợp đồng (nếu có) không làm thay đổi giá hợp đồng."

*[Việc điều chỉnh giá hợp đồng áp dụng đối với hình thức theo đơn giá. Trong Mục này cần quy định rõ nội dung điều chỉnh, phương pháp và thời gian tính điều chỉnh, cơ sở dữ liệu đầu vào để tính điều chỉnh giá. Cần quy định sử dụng báo giá, hoặc chỉ số giá của các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương, Trung ương hoặc cơ quan chuyên ngành độc lập của nước ngoài ban hành đối với các chi phí có nguồn gốc từ nước ngoài. Có thể áp dụng công thức điều chỉnh giá hợp đồng do trượt giá.*

*Trong Mục này cũng cần quy định việc điều chỉnh giá được thực hiện thông qua điều chỉnh đơn giá hoặc điều chỉnh giá hợp đồng do trượt giá.]*

**Điều 20.** Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo thiết kế và ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;

c) Thay đổi về thiết kế;

d) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

3. Trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng, nhà thầu phải đưa khối lượng công việc được bổ sung vào Bảng tiến độ thi công chi tiết.

**Điều 21.** Tạm ứng

Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu như sau:..... *[Ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng... phù hợp quy định của pháp luật về xây dựng. Trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu nhà thầu nộp bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 17 Chương X).*

Hoàn trả tiền tạm ứng:..... *[Ghi thời gian và cách thức hoàn trả tiền tạm ứng phù hợp quy định của pháp luật về xây dựng. Ví dụ về cách thức thực hiện: tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỉ lệ nhất định trong các khoản thanh toán khác đến hạn cho nhà thầu trên cơ sở theo tiến độ phần trăm hoàn thành công trình...]*

**Điều 22.** Thanh toán

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu như sau:

1. Hình thức thanh toán..... *[Tùy theo điều kiện cụ thể mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản ...]*

2. Thời hạn thanh toán..... *[Tùy theo điều kiện cụ thể mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu].*

3. Phương thức thanh toán: *[Căn cứ hình thức hợp đồng quy định tại Điều 4 chương này mà quy định cụ thể nội dung này, đồng thời, cần quy định cụ thể về hồ sơ thanh toán. Ví dụ:*

*a) Đối với phần công việc..... [Ghi tên phần công việc phù hợp] áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói.*

*Việc thanh toán được thực hiện như sau:..... [Tùy từng gói thầu cụ thể mà ghi: thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng hoặc thanh toán..... lần tương ứng với việc hoàn thành công việc của công trình, hạng mục công trình, công trình].*

*b) Đối với phần công việc..... [Ghi tên phần công việc phù hợp] áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá.*

*Giá trị thanh toán được tính bằng cách lấy đơn giá trong Biểu giá hoặc đơn giá điều chỉnh theo quy định tại Điều 17 ĐKHĐ nhân với khối lượng công việc thực tế mà nhà thầu đã thực hiện.*

*Việc thanh toán được thực hiện như sau:..... [Tùy từng gói thầu cụ thể mà ghi: thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng hoặc thanh toán..... lần tương ứng với việc hoàn thành công việc của công trình, hạng mục công trình, công trình]].*

**Điều 23.** Phạt vi phạm hợp đồng

1. Nhà thầu bị phạt theo mức phạt là..... *[Ghi mức phạt]* cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá..... *[Ghi tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa cho toàn bộ công trình].* Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu.

2. Việc phạt vi phạm hợp đồng đối với chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định trong hợp đồng được thực hiện như sau:..... *[Nêu yêu cầu về phạt hợp đồng trong trường hợp này nếu có].*

3. Các yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng:..... *[Nêu yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng, chẳng hạn phạt khi nhà thầu không đảm bảo chất lượng...].*

**Điều 24.** Nghiệm thu

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình trong vòng..... ngày *[Ghi số ngày]* kể từ khi nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.

**Điều 25.** Chấm dứt hợp đồng

1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Nhà thầu ngừng thi công trong..... ngày *[Ghi số ngày]* trong khi việc ngừng thi công này không có trong Bảng tiến độ thi công chi tiết hiện tại và chưa được chủ đầu tư cho phép;

b) Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu kéo dài tiến độ công trình vượt quá..... ngày *[Ghi số ngày]*;

c) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;

d) Các hành vi khác..... *[Nêu hành vi khác (nếu có)].*

2. Trường hợp chấm dứt hợp đồng, nhà thầu phải ngừng ngay công việc, giữ công trường an toàn và rời công trường theo yêu cầu của chủ đầu tư.

**Điều 26.** Thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng

1. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu nêu tại Điều 25 Chương này, chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng của nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn

trả lại cho chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu.

2. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của chủ đầu tư nêu tại Điều 25 Chương này hoặc do bất khả kháng, chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, hồi hương nhân sự mà nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của nhà thầu về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu khoản tiền chênh lệch này.

3. Mọi vật liệu tại công trường, máy móc, thiết bị, công trình tạm và công trình sẽ được xem là tài sản của chủ đầu tư nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu.

## Chương X

## MẪU HỢP ĐỒNG

### Mẫu số 15

### HỢP ĐỒNG[1]

*(Văn bản hợp đồng xây lắp gói thầu quy mô nhỏ)*

....., ngày..... tháng..... năm.....

Hợp đồng số:.....

Gói thầu:..... *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án:..... *[Ghi tên dự án]*

Căn cứ[2]..... *(Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội)*

Căn cứ[2]..... *(Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội);*

Căn cứ[2]..... *(Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội);*

Căn cứ[2]..... *(Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội);*

Căn cứ[2]..... *(Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng);*

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo trúng thầu số..... ngày..... tháng..... năm..... của bên mời thầu;

Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày..... tháng..... năm.....;

---

*[1] Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKHĐ.*

*[2] Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư *[Ghi tên chủ đầu tư]*.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Fax: .....

E-mail: .....

Tài khoản: .....

Mã số thuế: .....

Đại diện là ông/bà: .....

Chức vụ: .....

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số..... ngày..... tháng..... năm..... *(trường hợp được ủy quyền).*

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:*.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Fax: .....

E-mail: .....

Tài khoản: .....

Mã số thuế: .....

Đại diện là ông/bà: .....

Chức vụ: .....

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số..... ngày..... tháng..... năm..... *(trường hợp được ủy quyền).*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

**Điều 1.** Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

**Điều 2.** Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Biểu giá và các Phụ lục khác nếu có);

2. Biên bản thương thảo hoàn thiện hợp đồng;

3. Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu;

4. Điều kiện của hợp đồng;

5. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

6. HSMT và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có);

7. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

**Điều 3.** Trách nhiệm của nhà thầu

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 4.** Trách nhiệm của chủ đầu tư

Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng nêu tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 5.** Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:..... *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].*

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức nêu trong Điều 22 ĐKHĐ.

**Điều 6.** Hình thức hợp đồng:..... *[Nêu các hình thức hợp đồng phù hợp với Điều 4 ĐKHĐ].*

**Điều 7.** Thời gian thực hiện hợp đồng:..... *[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với khoản 3 Mục 1 Chương I, HSDT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

**Điều 8.** Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ..... *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với ngày khởi công được quy định tại Điều 13 ĐKHĐ].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành..... bộ, chủ đầu tư giữ..... bộ, nhà thầu giữ..... bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

| ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP<br>CỦA NHÀ THẦU<br>*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* | ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP<br>CỦA CHỦ ĐẦU TƯ<br>*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |
|---|---|

# PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

## BIỂU GIÁ

(kèm theo hợp đồng số....., ngày..... tháng..... năm.....)

*[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu của HSMT, HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm biểu giá cho từng hạng mục, nội dung công việc. Tùy tính chất và quy mô của gói thầu mà biểu giá có thể bao gồm nhiều phần: phần công việc áp dụng hình thức trọn gói, phần công việc áp dụng hình thức theo đơn giá...]*

Mẫu số 16

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG[1]

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:..... *[Ghi tên chủ đầu tư]*
(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ..... *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]* và đã ký hoặc cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); [2]

Theo quy định trong HSMT *(hoặc hợp đồng)*, nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,..... *[Ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại..... *[Ghi địa chỉ của ngân hàng*[3]*]* (sau đây gọi là "ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của nhà thầu với số tiền là..... *[Ghi rõ số tiền bằng số, bằng chữ]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn..... *[Ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày..... tháng..... năm .....[4]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh, thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của..... *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu..... *[Ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số *[Ghi số hợp đồng]* ngày..... tháng..... năm..... (sau đây gọi là hợp đồng)."

(3) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu nêu tại Điều 3 ĐKHĐ.

Mẫu số 17

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG [1]

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:..... *[Ghi tên chủ đầu tư ]*
(sau đây gọi là chủ đầu tư )
[Ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong ĐKHĐ, ..... *[Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) phải nộp cho chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng..... *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi,..... *Ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại..... *[Ghi địa chỉ của ngân hàng[2]]* (sau đây gọi là "ngân hàng"), theo yêu cầu của chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá..... *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].*

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các ĐKHĐ hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa nhà thầu và chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có giá trị kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho tới ngày..... tháng..... năm [3] hoặc khi chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

*Ghi chú:*

*(1) Tùy theo điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu nêu tại Điều 21 ĐKHĐ.*

(2) Địa chỉ ngân hàng: Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Điều 21 ĐKHĐ.

## Phụ lục

## CÁC VÍ DỤ

Ví dụ 1: *TCĐG về mặt kỹ thuật theo tiêu chí "đạt", "không đạt" đối với gói thầu "Cầu 6-7 xã Hồng Thủy, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế" thuộc Dự án "Giảm nghèo khu vực miền Trung"*

| STT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|---|
| 1 | *Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công* | | |
| | *(a) Giải pháp thi công đối với nền đất, thi công mố M1, T1, T2, T3* | *Có giải pháp khả thi* | *Đạt* |
| | | *Không có giải pháp khả thi* | *Không đạt* |
| | *(b) Biện pháp thi công đắp đê quai* | *Thực hiện trước khi thi công* | *Đạt* |
| | | *Không thực hiện trước khi thi công* | *Không đạt* |
| | *(c) Giải pháp thi công bê tông vòm (kèm bản vẽ)* | *Có giải pháp khả thi* | *Đạt* |
| | | *Không có giải pháp khả thi* | *Không đạt* |
| | *(d) Giải pháp thi công các kết cấu bê tông cốt thép khác, bê tông mặt đường, nền đường, bảo dưỡng kết cấu bê tông cốt thép* | *Có giải pháp khả thi* | *Đạt* |
| | | *Không có giải pháp khả thi* | *Không đạt* |
| | *(đ) Giải pháp chống sạt lở, mái taluy, giải phóng mặt bằng thi công* | *Có giải pháp khả thi* | *Đạt* |
| | | *Không có giải pháp khả thi* | *Không đạt* |
| | *(e) Bản vẽ mặt bằng bố trí thi công, tổ chức thi công* | *Có bản vẽ đầy đủ, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ* | *Đạt* |

| STT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|---|
| | | *Không có bản vẽ đầy đủ, hoặc biện pháp tổ chức thi công không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ* | *Không đạt* |
| | *(g) Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người* | *Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng công trường và cán bộ kỹ thuật* | *Đạt* |
| | | *Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng cán bộ chủ chốt* | *Không đạt* |
| | *(h) Biện pháp thi công, phòng chống của nhà thầu trong mùa mưa lũ* | *Có biện pháp khả thi* | *Đạt* |
| | | *Không có biện pháp khả thi* | *Không đạt* |
| *2* | *Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, bảo hành* | | |
| | *(a) Giải pháp chống ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công, vận chuyển vật tư và vật liệu, chống ngập úng các khu lân cận, chống ồn* | *Có giải pháp khả thi* | *Đạt* |
| | | *Không có giải pháp khả thi* | *Không đạt* |
| | *(b) An toàn lao động* | *Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động rõ ràng* | *Đạt* |
| | | *Không có biện pháp bảo đảm an toàn lao động rõ ràng* | *Không đạt* |

| STT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|---|
| | *(c) Giải pháp phòng cháy nổ, chữa cháy* | *Có giải pháp khả thi* | *Đạt* |
| | | *Không có giải pháp khả thi* | *Không đạt* |
| | *(d) Thuyết minh chế độ bảo hành công trình, nhiệm vụ nhà thầu trong quá trình bảo hành* | *Có thuyết minh bảo hành theo đúng yêu cầu của HSMT* | *Đạt* |
| | | *Không có thuyết minh bảo hành theo đúng yêu cầu của HSMT* | *Không đạt* |
| *3* | *Biện pháp bảo đảm chất lượng* | | |
| | *Có thuyết minh hợp lý về biện pháp bảo đảm chất lượng, gồm những nội dung như sơ đồ bố trí tổ chức giám sát, kiểm tra các khâu thi công, thực hiện các thí nghiệm phục vụ thi công, ghi nhật ký thi công, ...* | | *Đạt* |
| | *Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không đạt yêu cầu đối với các nội dung nêu trên* | | *Không đạt* |
| *4* | *Tiến độ thi công* | | |
| | *Ngắn hơn hoặc bằng số ngày quy định* | | *Đạt* |
| | *Dài hơn số ngày quy định* | | *Không đạt* |
| *5* | *Hướng dẫn về vận hành, bảo trì cho nhóm quản lý, duy tu bảo dưỡng* | | |
| | *Có hướng dẫn kèm theo thuyết minh biện pháp thi công công trình* | | *Đạt* |
| | *Có cam kết hướng dẫn sau khi hoàn thành công trình* | | *Chấp nhận được* |
| | *Không có hướng dẫn kèm theo thuyết minh biện pháp thi công công trình hoặc không có cam kết hướng dẫn sau khi hoàn thành công trình* | | *Không đạt* |
| *Kết luận* | *Các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 được xác định là đạt, tiêu chuẩn 5 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được* | | *Đạt* |
| | *Không thuộc các trường hợp nêu trên* | | *Không đạt* |

Ví dụ 2: *Bảng tiên lượng đối với gói thầu "Thi công hạ tầng khu tái định cư (bao gồm: san nền, đường giao thông, hệ thống điện hạ thế)" thuộc Dự án "Hạ tầng khu tái định cư Mỹ Ổn, xã Quảng An, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế"*

| STT | Hạng mục công việc | Đơn vị tính | Khối lượng |
|---|---|---|---|
| ***1. San nền*** | | | |
| *1* | *Đắp cát công trình* | *$m^3$* | *8.335,36* |
| ***2. Nền mặt đường*** | | | |
| *1* | *Đào nền đường* | *$m^3$* | *518,16* |
| *2* | *Đắp cát nền đường* | *$m^3$* | *503,74* |
| *3* | *Đệm móng nền đường bằng 50% cát + 50% sạn* | *$m^3$* | *305,2* |
| *4* | *Bê tông nền đường đá 2 x 4 mác 200, xi măng PC30* | *$m^3$* | *557,56* |
| ***3. Cống vuông tại Km0 + 927,9*** | | | |
| *1* | *Đào móng rộng < 3m* | *$m^3$* | *8,00* |
| *2* | *Đệm móng cống bằng 50% cát + 50% sạn* | *$m^3$* | *1,58* |
| *3* | *Bê tông lót móng mác 100, sỏi 4x6 xi măng PC30* | *$m^3$* | *0,92* |
| *4* | *Xây móng cống bằng đá hộc VXM mác 75* | *$m^3$* | *7,66* |
| *5* | *Đắp đất 2 bên cống* | *$100m^3$* | *0,065* |
| *6* | *Bê tông cống mác 250, đá 1 x 2, xi măng PC30* | *$m^3$* | *1,75* |
| *7* | *Cốt thép cống d <= 10mm* | *Tấn* | *0,163* |
| *8* | *Cốt thép cống 10mm < d <= 18mm* | *Tấn* | *0,111* |
| ***4. Điện hạ thế*** | | | |
| *1* | *SXLD cột điện, cột BTLT - 10,5A* | *Cột* | *10,00* |
| *2* | *Móng MT1* | *Móng* | *10,00* |
| *3* | *SXLD xà đỡ* | *Bộ* | *10,00* |
| *4* | *SXLD dây AC-A70 (bọc mở)* | *Km* | *1,03* |

Ví dụ 3: *Yêu cầu về vật liệu xây dựng theo tiêu chuẩn Việt Nam*

| STT | Vật liệu | Tiêu chuẩn |
|---|---|---|
| *1* | *Xi măng* | |
| | *Xi măng Poóc lăng - Yêu cầu kỹ thuật* | *TCVN 2682: 1999* |
| | *Xi măng Poóc lăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật* | *TCVN 6260: 1997* |
| *2* | *Cốt liệu và nước trộn cho bê tông và vữa* | |
| | *Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật* | *TCVNXD 7570: 2006* |
| | *Cốt liệu cho bê tông và vữa - Các phương pháp thử* | *TCVN 7572: 2006* |
| | *Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật* | *TCXDVN 302: 2004* |
| *3* | *Bê tông* | |
| | *Hỗn hợp Bê tông trộn sẵn - Các yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu* | *TCVNXD 374: 2006* |
| *4* | *Cốt thép cho bê tông* | |
| | *Thép cốt bê tông - Thép vằn* | *TCVN 6285: 1997* |
| | *Thép cốt bê tông - Lưới thép hàn* | *TCVN 6286: 1997* |
| *5* | *Gạch đất sét nung* | |
| | *Gạch rỗng đất sét nung* | *TCVN 1450: 1986* |
| | *Gạch đặc đất sét nung* | *TCVN 1451: 1986* |
| ... | | |

Ví dụ 4*: Yêu cầu về quy phạm thi công, nghiệm thu*

| STT | Loại công tác | Quy chuẩn, tiêu chuẩn |
|---|---|---|
| *1* | *Công tác trắc địa, định vị công trình* | |
| | *Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung* | *TCVNXD 309: 2004* |
| *2* | *Công tác thi công đất* | |
| | *Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu* | *TCVN 4447: 1987* |

| STT | Loại công tác | Quy chuẩn, tiêu chuẩn |
|---|---|---|
| *3* | *Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép* | |
| | *Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - tiêu chuẩn thiết kế* | *TCVNXD 356: 2005* |
| | *Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu (trừ mục 6.8 được thay thế bởi TCVNXD 305: 2004)* | *TCVN 4453: 1995* |
| | *Bê tông khối lớn - Quy phạm thi công và nghiệm thu (thay thế mục 6.8 của TCVN 4453 - 1995)* | *TCVNXD 305: 2004* |
| | *Kết cấu Bê tông và Bê tông cốt thép lắp ghép - Quy phạm thi công và nghiệm thu* | *TCVNXD 390: 2007* |
| | *Lưới thép hàn dùng trong kết cấu Bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế thi công lắp đặt và nghiệm thu* | *TCVNXD 267: 2002* |
| | *Bê tông nặng - Yêu cầu dưỡng ẩm tự nhiên* | *TCVNXD 391: 2007* |
| ... | | |